

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**<sup>®</sup>)

*Công ty thành viên của JPA International*

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 31

---



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

### **1. Khái quát chung về công ty**

Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1025/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27 tháng 05 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 3700146539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07 tháng 07 năm 2011. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700146539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 01 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 11 năm 2021.

Vốn điều lệ : 65.000.000.000 đồng

### **2. Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : +84 (27) 43 752 070

Fax : +84 (27) 43 752 513

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Thiết kế, sản xuất, sửa chữa đầu máy xe lửa toa xe; thiết kế, sản xuất chi tiết và phụ tùng cho đầu máy xe lửa, toa xe; Mua bán đầu máy xe lửa, toa xe, chi tiết và phụ tùng cho đầu máy xe lửa, toa xe; sản xuất, sửa chữa xe có động cơ, rơ móc; mua bán xe có động cơ, rơ móc, chi tiết, phụ tùng cho xe có động cơ, rơ móc; cho thuê kho, bãi, nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị; dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ; dịch vụ ăn uống; kinh doanh bất động sản.

### **4. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**

#### **4.1. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Đức Vinh	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Hữu Hoán	Thành viên	30/06/2021	-
Ông Nguyễn Tấn Nè	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Văn Khiên	Thành viên	-	30/06/2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4.2. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Quang	Trưởng ban	-	-
Ông Trịnh Thanh Liệu	Thành viên	-	-
Ông Trịnh Quang Lai	Thành viên	-	-

**4.3. Ban Điều hành**

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khiên	Giám đốc	-	30/06/2021
Ông Nguyễn Hữu Hoán	Giám đốc	30/06/2021	-
Ông Nguyễn Hữu Hoán	Phó Giám đốc	-	30/06/2021
Ông Nguyễn Nhất Thắng	Phó Giám đốc	-	-
Ông Trần Văn Mạnh	Kế toán trưởng	-	-

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Hoán – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

**6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 làm cho Công ty phải tạm ngưng hoạt động trong thời gian giãn cách xã hội từ tháng 7/2021 đến tháng 09/2021, điều này làm cho doanh thu trong quý 3 giảm sút. Tuy nhiên trong thời gian tạm ngưng hoạt động Công ty vẫn phải thực hiện tính chi phí khấu hao của nhà xưởng, máy móc vào chi phí giá vốn nên làm cho lãi gộp trong năm bị âm.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Kể từ ngày 01/02/2022, ông Nguyễn Ngọc Tuyền giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An theo Quyết định số 60/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2022.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

**9. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã:





**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 10. **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2022.

**TM. Ban Giám đốc**



**NGUYỄN HỮU HOÁN**  
Giám đốc

28175  
NG TY  
HIỆM HỮU  
IN VÀ T  
AN VI  
HỒ



Số: 2021/22/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022 (từ trang 07 đến trang 31) của Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2021 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN số: 2141-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN số: 2817-2020-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>79.626.531.681</b>	<b>99.775.452.941</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>22.690.285.281</b>	<b>25.858.617.751</b>
111	1. Tiền		1.589.844.901	14.908.177.371
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.100.440.380	10.950.440.380
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>18.843.346.947</b>	<b>463.526.947</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	18.843.346.947	463.526.947
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>15.164.308.299</b>	<b>42.958.069.278</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	10.823.913.884	29.966.152.835
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	255.144.525	360.199.080
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	4.085.249.890	12.631.717.363
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>22.576.742.398</b>	<b>30.481.704.898</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.6	22.576.742.398	30.481.704.898
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>351.848.756</b>	<b>13.534.067</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		274.877.493	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	76.971.263	13.534.067
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>94.649.835.639</b>	<b>100.020.014.933</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.594.552.300</b>	<b>2.935.265.922</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	1.594.552.300	2.935.265.922
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>29.509.733.283</b>	<b>33.539.198.955</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	29.414.359.082	33.415.947.758
222	- Nguyên giá		105.301.441.298	105.301.441.298
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(75.887.082.216)	(71.885.493.540)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	95.374.201	123.251.197
228	- Nguyên giá		239.798.960	239.798.960
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(144.424.759)	(116.547.763)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>63.545.550.056</b>	<b>63.545.550.056</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.9	63.545.550.056	63.545.550.056
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>174.276.367.320</b>	<b>199.795.467.874</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>92.385.087.101</b>	<b>112.617.839.395</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>15.835.934.456</b>	<b>35.205.162.870</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	2.863.760.253	16.617.691.749
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	4.243.716.438	6.345.784.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	27.960.358	600.109.173
314	4. Phải trả người lao động		5.524.936.935	8.259.013.261
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	324.627.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14a	31.995.579	82.451.294
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	2.818.937.893	3.300.113.393
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>76.549.152.645</b>	<b>77.412.676.525</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.16	50.000.000.000	50.000.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.14b	1.120.592.622	1.126.192.622
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	V.17	24.411.048.396	25.198.972.276
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.18	1.017.511.627	1.087.511.627
400	<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>81.891.280.219</b>	<b>87.177.628.479</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.19	<b>72.961.797.157</b>	<b>74.465.860.417</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		65.000.000.000	65.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		65.000.000.000	65.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		7.715.860.417	7.185.731.444
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		245.936.740	2.280.128.973
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		245.936.740	2.280.128.973
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>8.929.483.062</b>	<b>12.711.768.062</b>
431	1. Nguồn kinh phí		8.929.483.062	12.711.768.062
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>174.276.367.320</b>	<b>199.795.467.874</b>

Bình Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ THẢO

TRẦN VĂN MẠNH

NGUYỄN HỮU HOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	40.278.643.608	147.059.533.867
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.278.643.608	147.059.533.867
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	40.513.174.622	137.132.552.964
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(234.531.014)	9.926.980.903
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.458.845.228	2.214.094.246
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	517.812.546	1.377.614.656
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	1.490.631.147	10.123.025.319
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(784.129.479)	640.435.174
31	11. Thu nhập khác	VI.6	2.529.193.567	3.546.613.755
32	12. Chi phí khác	VI.7	1.458.124.427	1.506.366.598
40	13. Lợi nhuận khác		1.071.069.140	2.040.247.157
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		286.939.661	2.680.682.331
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	41.002.921	400.553.358
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		245.936.740	2.280.128.973
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	38	282
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	38	282

Bình Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

NGUYỄN THỊ THẢO

TRẦN VĂN MẠNH



NGUYỄN HỮU HOÀN



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>286.939.661</b>	<b>2.680.682.331</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>1.731.266.969</b>	<b>(9.739.276.076)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định		4.029.465.672	4.078.141.615
03	- Các khoản dự phòng		(787.923.880)	(11.092.795.082)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.440.274.823)	(2.507.622.609)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(70.000.000)	(217.000.000)
08	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>2.018.206.630</b>	<b>(7.058.593.745)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		21.843.794.536	(3.580.814.022)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.904.962.500	28.263.691.399
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(18.463.993.235)	(22.824.434.611)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	625.940.238
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(490.000.000)	(537.795.604)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.000.000	13.204.600.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.780.860.500)	(2.948.644.637)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.037.109.931</b>	<b>5.143.949.018</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(46.478.795)	(2.848.985.742)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	293.528.363
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.339.885.300)	(500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		457.413.889	12.049.789.030
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.570.405	1.095.149.549
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(9.910.379.801)</b>	<b>10.089.481.200</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.295.062.600)	(7.059.991.250)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.295.062.600)</b>	<b>(7.059.991.250)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>		<b>(3.168.332.470)</b>	<b>8.173.438.968</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>25.858.617.751</b>	<b>17.685.178.783</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>22.690.285.281</b>	<b>25.858.617.751</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

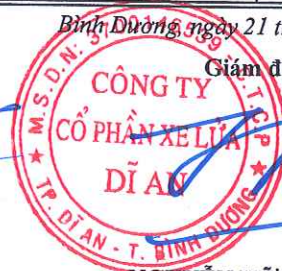
Bình Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Giám đốc

NGUYỄN THỊ THẢO

TRẦN VĂN MẠNH

NGUYỄN HỮU HOÀN





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Thiết kế, sản xuất, sửa chữa đầu máy xe lửa toa xe; thiết kế, sản xuất chi tiết và phụ tùng cho đầu máy xe lửa, toa xe; Mua bán đầu máy xe lửa, toa xe, chi tiết và phụ tùng cho đầu máy xe lửa, toa xe; sản xuất, sửa chữa xe có động cơ, rơ móc; mua bán xe có động cơ, rơ móc, chi tiết, phụ tùng cho xe có động cơ, rơ móc; cho thuê kho, bãi, nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị; dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ; dịch vụ ăn uống; kinh doanh bất động sản.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 làm cho Công ty phải tạm ngưng hoạt động trong thời gian giãn cách xã hội từ tháng 7/2021 đến tháng 09/2021, điều này làm cho doanh thu trong quý 3 giảm sút. Tuy nhiên trong thời gian tạm ngưng hoạt động Công ty vẫn phải thực hiện tính chi phí khấu hao của nhà xưởng, máy móc vào chi phí giá vốn nên làm cho lãi gộp trong năm bị âm.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 163 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 184 nhân viên).

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).



### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

#### 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- + Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty lập dự phòng cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- + Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp, được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho của Công ty là hàng luân chuyển thường xuyên nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

#### **▪ Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

031287  
CÔNG  
CH NHIỆM  
TOÁN VÀ  
HUẤN  
TP. HỒ



## CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### ▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

### ▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	04 – 24 năm
Phương tiện vận tải	06 – 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

## 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, bao gồm phần mềm kế toán khấu hao trong 03 năm và phần mềm vẽ kỹ thuật khấu hao trong 07 năm.

## 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**9. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**10. Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận được tiền khách hàng trả trước liên quan đến khoản khách hàng trả trước tiền thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, căn cứ thời gian, kỳ hạn của số tiền nhận trước.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

**11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

**12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	175.589.640	92.765.763
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.414.255.261	14.815.411.608
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	21.100.440.380	10.950.440.380
<b>Cộng</b>	<b>22.690.285.281</b>	<b>25.858.617.751</b>

<sup>(\*)</sup>Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với mức lãi suất linh động tùy thời điểm gửi tiền.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với mức lãi suất linh động tùy thời điểm gửi tiền.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	18.843.346.947	463.526.947
<b>Cộng</b>	<b>18.843.346.947</b>	<b>463.526.947</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>5.085.673.771</b>	<b>4.984.598.151</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	2.802.805.910	4.833.089.651
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	1.969.640.000	-
Các bên liên quan khác	313.227.861	151.508.500
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>5.738.240.113</b>	<b>24.981.554.684</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tháp Kim	1.995.214.940	871.623.720
Công ty Cổ phần Thái Tuyên	467.300.725	1.700.525.035
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	254.737.901	551.173.901
Các đối tượng khác	3.020.986.547	21.858.232.028
<b>Cộng</b>	<b>10.823.913.884</b>	<b>29.966.152.835</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>255.144.525</b>	<b>360.199.080</b>
Công ty TNHH Kyosan Kogyo Việt Nam	157.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thái Hoàng Hưng	97.844.525	-
Các đối tượng khác	-	360.199.080
<b>Cộng</b>	<b>255.144.525</b>	<b>360.199.080</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.763.365.922</b>	<b>11.812.166.829</b>
Ký quỹ, ký cược	2.763.365.922	11.812.166.829
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	2.763.365.922	84.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	-	11.728.166.829
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.321.883.968</b>	<b>819.550.534</b>
Tạm ứng nhân viên	32.122.531	70.000.000
Nguyễn Văn Đức	10.000.000	20.000.000
Trịnh Thanh Liệu	6.000.000	-
Các đối tượng khác	16.122.531	50.000.000
Ký quỹ, ký cược	243.167.500	90.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	243.167.500	74.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	-	16.000.000
Phải thu khác	1.046.593.937	659.550.534
<b>Cộng</b>	<b>4.085.249.890</b>	<b>12.631.717.363</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>948.695.000</b>	<b>2.893.365.922</b>
Ký quỹ, ký cược	948.695.000	2.893.365.922
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	948.695.000	1.027.901.628
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	-	1.865.464.294
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>645.857.300</b>	<b>41.900.000</b>
Ký quỹ, ký cược	645.857.300	41.900.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	608.957.300	-
Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa	36.900.000	36.900.000
Chi nhánh Công ty Ánh Dương Việt Nam	-	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.594.552.300</b>	<b>2.935.265.922</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.080.848.133	-	18.918.795.975	-
Công cụ, dụng cụ	103.755.211	-	146.139.660	-
Chi phí SXKD dở dang	5.392.139.054	-	11.416.769.263	-
<b>Cộng</b>	<b>22.576.742.398</b>	<b>-</b>	<b>30.481.704.898</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	71.679.608.962	20.837.400.920	12.678.667.416	105.764.000	105.301.441.298
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	71.679.608.962	20.837.400.920	12.678.667.416	105.764.000	105.301.441.298
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	77.236.364	14.719.204.990	3.289.098.579	105.764.000	18.191.303.933
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	48.329.558.864	17.432.343.366	6.030.038.337	93.552.973	71.885.493.540
2. Tăng trong năm	2.249.466.504	758.214.882	981.696.263	12.211.027	4.001.588.676
- Khấu hao trong năm	2.249.466.504	758.214.882	981.696.263	12.211.027	4.001.588.676
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	50.579.025.368	18.190.558.248	7.011.734.600	105.764.000	75.887.082.216
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	23.350.050.098	3.405.057.554	6.648.629.079	12.211.027	33.415.947.758
2. Tại ngày cuối năm	21.100.583.594	2.646.842.672	5.666.932.816	-	29.414.359.082



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số dư đầu năm	239.798.960	239.798.960
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	239.798.960	239.798.960
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	44.659.960	44.659.960
<b>II. Giá trị hao mòn</b>		
1. Đầu năm	116.547.763	116.547.763
2. Tăng trong năm	27.876.996	27.876.996
- Khấu hao trong năm	27.876.996	27.876.996
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	144.424.759	144.424.759
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	123.251.197	123.251.197
2. Tại ngày cuối năm	95.374.201	95.374.201

**9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Phát triển nhà xe lửa Dĩ An <sup>(*)</sup>	63.545.550.056	-	63.545.550.056	63.545.550.056	-	63.545.550.056
<b>Cộng</b>	<b>63.545.550.056</b>	<b>-</b>	<b>63.545.550.056</b>	<b>63.545.550.056</b>	<b>-</b>	<b>63.545.550.056</b>

<sup>(\*)</sup>Theo Hợp đồng hợp tác liên doanh giữa Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An (trước đây là Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An) và Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại Á Châu, Công ty được chia đất thương mại theo thỏa thuận. Công ty chưa thực hiện chuyển nhượng đất thương mại được chia do chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai.

Chi tiết tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Phát triển nhà xe lửa Dĩ An	50.000.000.000	17,24%	17,24%	50.000.000.000	17,24%	17,24%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	<b>1.849.211.369</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội – CN Toa xe Hà Nội	-	1.081.048.163
Các đối tượng khác	-	768.163.206
<b>Phải trả tổ chức và nhà cung cấp khác</b>	<b>2.863.760.253</b>	<b>14.768.480.380</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phương Thủy	974.106.430	944.842.580
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Bắc Việt	252.345.613	1.204.113.796
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông Vận tải – Sài Gòn	239.180.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.398.128.210	12.619.524.004
<b>Cộng</b>	<b>2.863.760.253</b>	<b>16.617.691.749</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước các bên liên quan</b>	-	<b>3.294.780.000</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	-	3.294.780.000
<b>Trả trước tổ chức và nhà cung cấp khác</b>	<b>4.243.716.438</b>	<b>3.051.004.000</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường Sắt	2.308.879.100	-
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	780.000.000	30.000.000
Công Ty TNHH Phát triển Thiết bị Đường sắt (Việt Nam) Tập đoàn Jinxin	747.769.000	2.363.804.000
Các nhà cung cấp khác	407.068.338	657.200.000
<b>Cộng</b>	<b>4.243.716.438</b>	<b>6.345.784.000</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	167.165.299	-	2.978.593.761	(3.145.759.060)	-	-
Thuế TNDN	372.025.816	-	41.002.921	(490.000.000)	-	76.971.263
Thuế TNCN	60.918.058	13.534.067	251.190.928	(270.614.561)	27.960.358	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	243.693.215	(243.693.215)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	105.883.870	(105.883.870)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>600.109.173</b>	<b>13.534.067</b>	<b>3.620.364.695</b>	<b>(4.255.950.706)</b>	<b>27.960.358</b>	<b>76.971.263</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về việc thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019. Theo đó, thuế suất được áp dụng tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2021 là 14% (giảm 30% của thuế suất phổ thông 20%).

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Trích trước chi phí xây dựng công trình sửa chữa máy tôn nhà xưởng sản xuất.

**14. Phải trả khác****14a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:

**Phải trả các bên liên quan****Phải trả tổ chức và cá nhân khác**

Bảo hiểm TNLD, BNN

Phải trả khác

Kinh phí sinh hoạt Đảng

Khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	-	-
	<b>31.995.579</b>	<b>82.451.294</b>
Bảo hiểm TNLD, BNN	2.005.030	-
Phải trả khác	29.990.549	82.451.294
Kinh phí sinh hoạt Đảng	19.402.699	42.364.844
Khác	10.587.850	40.086.450
<b>Cộng</b>	<b>31.995.579</b>	<b>82.451.294</b>

**14b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Chi tiết:

DNTN Dịch vụ ăn uống Cúc Phương

Công ty TNHH SX và TM Đức Kinh Tỉnh

Công ty Cổ phần Artex Đồng Tháp

Công ty TNHH Dịch vụ Vân Thái

Các đối tượng khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN Dịch vụ ăn uống Cúc Phương	168.000.000	168.000.000
Công ty TNHH SX và TM Đức Kinh Tỉnh	80.000.000	80.000.000
Công ty Cổ phần Artex Đồng Tháp	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vân Thái	60.000.000	60.000.000
Các đối tượng khác	752.592.622	758.192.622
<b>Cộng</b>	<b>1.120.592.622</b>	<b>1.126.192.622</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	793.316.270	185.000.000	9.200.000	(373.600.000)	613.916.270
Quỹ phúc lợi	2.127.780.123	185.000.000	5.000.000	(286.775.500)	2.031.004.623
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	379.017.000	80.000.000	-	(285.000.000)	174.017.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.300.113.393</u></b>	<b><u>450.000.000</u></b>	<b><u>14.200.000</u></b>	<b><u>(945.375.500)</u></b>	<b><u>2.818.937.893</u></b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Là lợi nhuận được chia từ Hợp đồng hợp tác liên doanh giữa Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An (trước đây là Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An) và Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại Á Châu. Công ty được chia đất thương mại theo thỏa thuận. Công ty chưa thực hiện chuyển nhượng đất thương mại (lợi nhuận từ hoạt động liên doanh) được chia do chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai. Theo đó, thu nhập từ hoạt động liên doanh được ghi nhận tạm thời là doanh thu chưa thực hiện và có giá trị theo vốn góp trên hợp đồng hợp tác liên doanh là 50.000.000.000 đồng. Chênh lệch giữa giá trị góp vốn và giá trị thực tế của hàng hóa bất động sản sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi Công ty thực hiện việc định giá và chuyển nhượng các lô đất. Khi đó, Công ty sẽ thực hiện các nghĩa vụ về thuế.

**17. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	24.411.048.396	25.198.972.276
<b>Cộng</b>	<b><u>24.411.048.396</u></b>	<b><u>25.198.972.276</u></b>

**18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Chi tiết	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập quỹ</u>	<u>Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.087.511.627	-	(70.000.000)	1.017.511.627
<b>Cộng</b>	<b><u>1.087.511.627</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(70.000.000)</u></b>	<b><u>1.017.511.627</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	4	5
Số dư đầu năm trước	65.000.000.000	5.590.108.022	10.211.246.843	80.801.354.865
-Tăng trong năm trước	-	1.595.623.422	2.280.128.973	3.875.752.395
-Giảm trong năm trước	-	-	(10.211.246.843)	(10.211.246.843)
Số dư cuối năm trước	65.000.000.000	7.185.731.444	2.280.128.973	74.465.860.417
Số dư đầu năm nay	65.000.000.000	7.185.731.444	2.280.128.973	74.465.860.417
-Tăng trong năm nay	-	530.128.973	245.936.740	776.065.713
-Giảm trong năm nay <sup>(*)</sup>	-	-	(2.280.128.973)	(2.280.128.973)
Số dư cuối năm nay	65.000.000.000	7.715.860.417	245.936.740	72.961.797.157

<sup>(\*)</sup> Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.280.128.973	10.211.246.843
+ Quỹ đầu tư phát triển	530.128.973	1.595.623.422
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	370.000.000	1.322.623.421
+ Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	80.000.000	273.000.000
+ Chia cổ tức cho các cổ đông	1.300.000.000	7.020.000.000

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND/USD)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND/USD)
	VND/USD	Tỷ lệ (%)		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	56.454.000.000	86,85%	56.454.000.000	-
Các cổ đông khác	8.546.000.000	13,15%	8.546.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>-</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	65.000.000.000	65.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	65.000.000.000	65.000.000.000
- Cổ tức đã chia	1.300.000.000	7.020.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA ĐĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.500.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.500.000	6.500.000
Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.500.000	6.500.000
Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	7.715.860.417	7.185.731.444
Cộng	<u>7.715.860.417</u>	<u>7.185.731.444</u>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.278.643.608	147.059.533.867
Cộng	<u>40.278.643.608</u>	<u>147.059.533.867</u>

Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan với số tiền là 18.276.122.626 đồng.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán	40.513.174.622	137.132.552.964
Cộng	<u>40.513.174.622</u>	<u>137.132.552.964</u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**4. Chi phí bán hàng**

Chi tiết gồm :	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	-	3.000.000
Chi phí bảo hành	517.812.546	1.372.514.656
Chi phí bằng tiền khác	-	2.100.000
Cộng	<u>517.812.546</u>	<u>1.377.614.656</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA ĐĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm :

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.035.613.200	1.308.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	151.773.634	248.153.392
Chi phí đồ dùng văn phòng	173.604.091	458.911.726
Chi phí khấu hao TSCĐ	109.632.000	109.632.000
Thuế, phí và lệ phí	566.125.066	834.076.534
Chi phí dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	(2.566.127.276)	2.554.427.276
Chi phí bằng tiền khác	2.020.010.432	4.609.824.391
<b>Cộng</b>	<b>1.490.631.147</b>	<b>10.123.025.319</b>

**6. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm :

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện, nước	1.727.195.186	1.431.104.683
Lãi chậm thanh toán công nợ	520.000.000	-
Thu tiền bán phế liệu	281.998.343	-
Khác	38	2.115.509.072
<b>Cộng</b>	<b>2.529.193.567</b>	<b>3.546.613.755</b>

**7. Chi phí khác**

Chi tiết gồm :

	Năm nay	Năm trước
Chi phí điện năng thu hộ	1.454.649.719	1.456.538.283
Các khoản bị phạt	3.473.487	49.828.314
Khác	1.221	1
<b>Cộng</b>	<b>1.458.124.427</b>	<b>1.506.366.598</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>286.939.661</b>	<b>2.680.682.331</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	5.938.344	52.291.951
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	5.938.344	52.291.951
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	292.878.005	2.732.974.282
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	292.878.005	2.732.974.282
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	58.575.601	546.594.856
Thuế TNDN được miễn, giảm <sup>(*)</sup>	(17.572.680)	(163.978.457)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>41.002.921</b>	<b>382.616.399</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA ĐĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Căn cứ Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về việc thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019. Theo đó, thuế suất được áp dụng tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2021 là 14% (giảm 30% của thuế suất phổ thông 20%).

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>245.936.740</b>	<b>2.280.128.973</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(450.000.000)
+Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)	-	(450.000.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>245.936.740</b>	<b>1.830.128.973</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.500.000	6.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>38</b>	<b>282</b>

(\*) Công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30/06/2021 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021.

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	245.936.740	2.280.128.973
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	(450.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	245.936.740	1.830.128.973
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.500.000	6.500.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>38</b>	<b>282</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm :

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.431.186.502	82.834.430.593
Chi phí nhân công	18.205.042.644	20.351.116.335
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.029.465.672	4.078.141.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.651.728.347	5.286.075.207
Chi phí khác	4.661.926.059	10.635.542.998
<b>Cộng</b>	<b>40.979.349.224</b>	<b>123.185.306.748</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)**

**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Không phát sinh.

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Không phát sinh.

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**3. Các giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)**

❖ Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<u>Năm nay</u>
Phạm Đức Vinh	Chủ tịch	193.307.691
Nguyễn Văn Khiên	Thành viên	95.692.474
Nguyễn Hữu Hoán	Thành viên	163.088.204
Nguyễn Tấn Nè	Thành viên	159.119.828
Nguyễn Nhất Thắng	Phó Giám đốc	157.578.353
Trần Văn Mạnh	Kế toán trưởng	140.356.595
Nguyễn Minh Quang	Trưởng ban KS	134.037.540
<b>Cộng</b>		<u><u>1.043.180.685</u></u>

0312  
CÔNG  
CH NHIỆP  
TOÁN  
HUẤY  
- TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

❖ *Thù lao HĐQT và BKS:*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<u>Năm nay</u>
Trịnh Thanh Liệu	Thành viên BKS	36.000.000
Trịnh Quang Lai	Thành viên BKS	36.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>72.000.000</u></b>

❖ *Cổ tức:*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<u>Năm nay</u>
Phạm Đức Vinh	Chủ tịch	532.000
Nguyễn Văn Khiên	Thành viên	9.500.000
Nguyễn Hữu Hoán	Thành viên	285.000
Nguyễn Tấn Nè	Thành viên	3.344.000
Nguyễn Nhật Thắng	Phó Giám đốc	57.000
Nguyễn Minh Quang	Trưởng ban KS	608.000
<b>Cộng</b>		<b><u>14.326.000</u></b>

**3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – XN Đầu máy Yên Viên	Đơn vị cùng Tổng công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – XN Đầu máy Sài Gòn	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – XN Toa xe Sài Gòn	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – XN Toa xe Đà Nẵng	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – CN VTĐS Bình Thuận	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội – CN Toa xe hàng	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – CN Toa xe Hà Nội	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – CN Toa xe Vinh	Đơn vị cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Đơn vị cùng Tổng công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK VTTB Đường sắt – XN Cơ khí Đông Anh	Đơn vị cùng Tổng công ty

*Giao dịch với các bên liên quan khác:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
- Trả cổ tức	1.127.080.000	6.097.032.000
- Bán hàng	1.790.666.949	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn</b>		
- Bán hàng	2.030.283.741	21.914.546.599
- Thuê toa xe	-	82.229.751
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội</b>		
- Bán hàng	14.976.272.730	42.189.626.115
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – XN Đầu máy Sài Gòn</b>		
- Thuê đầu máy kéo	97.526.880	-
- Bán hàng	-	7.000.000
- Mua dịch vụ	-	72.317.560
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – XN Toa xe Sài Gòn</b>		
- Bán hàng	1.294.527.500	7.054.784.602
- Mua hàng	87.302.400	293.474.948
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – XN Toa xe Đà Nẵng</b>		
- Mua dịch vụ	2.359.706	-
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – CN VTĐS Bình Thuận</b>		
- Hoa hồng bán vé tàu	5.885.183	10.453.050
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội – CN Toa xe hàng</b>		
- Bán hàng	65.600.000	103.300.000
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – CN Toa xe Hà Nội</b>		
- Bán hàng	-	1.159.540.000
- Mua hàng	1.089.908.336	1.600.800.000
<b>Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm</b>		
- Bán hàng	143.170.264	525.780.000
- Mua hàng	16.600.000	412.724.000
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK VTTB Đường sắt – XN Cơ khí Đông Anh</b>		
- Mua hàng	73.720.000	654.995.000

Số dư với các bên liên quan khác:

Xem chi tiết thuyết minh tại mục số V.3, V.5, V.10 và V.11

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**

Địa chỉ: Số 8 Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Kể từ ngày 01/02/2022, ông Nguyễn Ngọc Tuyển giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An theo Quyết định số 60/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2022.

**6. Khả năng hoạt động liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Bình Dương, ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ THẢO



TRẦN VĂN MẠNH



NGUYỄN HỮU HOÁN